TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/DS-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ

2. Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1951.

Địa chỉ cư trú: Số X, khu phố BH, thị trấn Z, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị Q, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Khu phố BH, thị trấn Z, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Số Y, ấp BA, xã BL, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà Q có mặt, bà H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B do bà Võ Thị Q đại diện trình bày: Ngày 02/12/2019 âm lịch bà Lê Thị Ngọc H có vay của bà Phạm Thị B số tiền 20.000.000 đồng, có lập thành văn bản, thỏa thuận trả mỗi ngày

240.000 đồng, trả trong 100 ngày, lấy tiền ngày 02/12/2019 âm lịch. Như vậy, lãi suất theo Giấy viết tay là 6%/tháng, thời hạn trả nợ là 100 ngày kể từ ngày vay là ngày 02/12/2019 âm lịch. Tuy nhiên, bà H từ ngày nhận tiền vay cho đến nay vẫn chưa trả khoản tiền nào cho bà B. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 7.360.000 đồng (lãi suất 1,6%/tháng, tính từ ngày vay đến ngày nộp đơn khởi kiện là 23 tháng).

Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của bà B nhưng bà H không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; không tiến hành hòa giải được vì bị đơn đã được Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H trả tiền nợ vay và tiền lãi theo Giấy viết tay ngày 02/12/2019 âm lịch. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc H hiện đang cư trú tại xã BL, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Bà Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc H trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng theo giấy viết tay đề ngày 02/12/2019 âm lịch tức là ngày 27/12/2019. Trong suốt quá trình tố tụng, bà H không nộp văn bản thể hiện ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do bà B cung cấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Ngọc H có vay của bà Phạm Thị B số tiền 20.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy vay tiền ngày 27/12/2019 nên bà B khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền

nợ gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận do phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng, trong 23 tháng, thấy rằng: Giấy vay tiền 27/12/2019 được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà H phải chịu tiền lãi trên nợ gốc đến hạn chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà B chỉ yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6%/tháng trong 23 tháng với số tiền 7.360.000 đồng và không yêu cầu tính lãi quá hạn là có lợi cho bị đơn và cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi là 7.360.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B có cơ sở nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị B số tiền nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 27.360.000 đồng.

[5] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 1.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B được chấp nhận, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà B được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do là người cao tuổi (trên 60 tuổi) theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Lê Thị Ngọc H.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B số tiền nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 27.360.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với

các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Buộc bà Lê Thị Ngọc H phải chịu 1.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Hoàng Dung